

**CÔNG TY TNHH MTV  
XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU  
XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán  
Năm tài chính kết thúc vào ngày  
10/11/2016**



**Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp**

---

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
01. Báo cáo của Hội đồng thành viên	1 - 3
02. Báo cáo kiểm toán	4 - 5
03. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
04. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	10
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	1 - 2
06. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 30

5779  
HINH  
NG T  
KIEM  
AO  
ING.

# CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016.

### 1 Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Châu Thành	Chủ tịch Hội đồng thành viên
- Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên
- Bà Trần Thị Thúy Hằng	Thành viên, bổ nhiệm ngày 07/09/2015

### 2 Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Võ Đình Quốc Huy	Kiểm soát viên, bổ nhiệm ngày 15/05/2013

### 3 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Hữu Phước	Tổng Giám đốc
- Ông Thái Văn Thum	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Trần Thị Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc

### 4 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đô thị, công trình công cộng;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình công nghiệp. Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Thi công xây dựng công trình thủy lợi (nạo vét kênh mương). Thi công công trình bờ kè, cầu cảng.
- Xây dựng công trình công cộng; đường dây và trạm biến áp có cấp điện đến 35KV
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Lập dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư);
- Quản lý đầu tư xây dựng; khảo sát xây dựng; giám sát thi công xây lắp;
- Thiết kế cho các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thử nghiệm cơ lý vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng xây dựng;
- Khai thác cát;



**CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

---

- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông trộn sẵn.

**5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.**

**6 Đánh giá tình hình kinh doanh**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 10/11/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 30.

**7 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Hội đồng thành viên Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính riêng.

**8 Kiểm toán**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016 của Công ty.

**9 Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

---

**10 Phê duyệt**

Hội đồng thành viên công ty phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 10/11/2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng thành viên



Chủ tịch Hội đồng thành viên  
ngày 30 tháng 06 năm 2017



Số: 77 /2017/SVCT-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội Đồng Thành Viên, Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp ("Công ty"), được lập ngày 30 tháng 06 năm 2017, từ trang 1 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 10/11/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Số dư khoản trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư là 3.192.413.670 đồng được trích lập từ các năm trước. Theo quy định tại điều 10, Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài Chính, báo cáo tài chính lập tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa không phải trích lập dự phòng các khoản giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp. Số dư khoản dự phòng nêu trên Công ty giữ lại theo văn bản chấp thuận số 1764/STC-TCĐN ngày 20/10/2015 của Sở Tài Chính tỉnh Đồng Tháp.
- Thực hiện theo chủ trương của UBND tỉnh Đồng Tháp, Công ty sẽ bàn giao Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn cho đơn vị khác quản lý, nên Công ty không phân bổ doanh thu chưa thực hiện và chi phí tiền thuê đất kể từ ngày 01/01/2016.

Tại Công ty con - Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC, đến thời điểm phát hành bản báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư tại ngày 31/12/2016 của khoản phải thu khách hàng số tiền 1.159.693.400 đồng và phải trả người bán số tiền 168.823.900 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể kiểm chứng được tính có thực và đầy đủ của số dư các khoản công nợ nêu trên.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn: "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp tại ngày 10/11/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



*Nguyễn Quang Nhơn*

**Nguyễn Quang Nhơn, Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2013-107-1

Thay mặt và đại diện

**Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, Chi nhánh Cần Thơ**

Cần Thơ, ngày 30 tháng 06 năm 2017

*Lê Thị Hồng Phương*

**Lê Thị Hồng Phương**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3578-2016-107-1



**CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			10/11/2016	01/01/2016
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>416.436.048.027</b>	<b>399.704.472.559</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>11.670.683.508</b>	<b>8.586.273.587</b>
1. Tiền	111		11.670.683.508	8.586.273.587
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>220.500.000.000</b>	<b>223.392.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		220.500.000.000	223.392.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	V.3	<b>89.481.313.333</b>	<b>71.645.823.173</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		40.278.570.552	63.029.980.922
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.349.385.062	5.774.030.477
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		45.383.536.300	3.371.990.355
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(530.178.581)	(530.178.581)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.4	<b>91.157.343.035</b>	<b>93.821.642.981</b>
1. Hàng tồn kho	141		91.157.343.035	93.821.642.981
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	V.5	<b>3.626.708.151</b>	<b>2.258.732.818</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.253.234.870	2.140.010.818
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		373.473.281	118.722.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	10/11/2016	01/01/2016
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>166.177.581.818</b>	<b>125.359.924.035</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	V.6	<b>1.812.146.841</b>	<b>1.962.324.815</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		1.812.146.841	1.962.324.815
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>156.589.400.364</b>	<b>120.482.044.641</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	152.920.289.396	116.656.868.333
<i>Nguyên giá</i>	222		321.234.181.343	224.070.070.127
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(168.313.891.947)	(107.413.201.794)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	3.669.110.968	3.825.176.308
<i>Nguyên giá</i>	228		6.029.344.330	6.029.344.330
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.360.233.362)	(2.204.168.022)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.9	<b>411.306.325</b>	<b>1.130.181.818</b>
Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		411.306.325	1.130.181.818
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.000.000.000	2.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.192.413.670	1.192.413.670
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.192.413.670)	(3.192.413.670)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	V.10	<b>7.364.728.288</b>	<b>1.785.372.761</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.035.372.301	1.376.600.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		329.355.987	408.772.761
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>582.613.629.845</b>	<b>525.064.396.594</b>

# CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	10/11/2016	01/01/2016
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>183.646.189.620</b>	<b>168.891.030.481</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>140.159.393.491</b>	<b>123.862.517.531</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	12.680.232.510	6.338.737.580
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	29.487.148.036	27.665.838.288
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	21.026.502.271	6.655.553.742
4. Phải trả người lao động	314		40.194.531.128	25.827.681.420
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	5.394.053.174	6.236.896.055
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	14.603.081.629	12.829.843.509
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	15.238.656.979	4.999.995.608
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		694.498.070	1.082.174.330
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		840.689.694	32.225.796.999
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>43.486.796.129</b>	<b>45.028.512.950</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	40.895.436.823	40.895.436.823
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	2.591.359.306	4.133.076.127
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

# CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp


## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc vào năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>398.967.440.225</b>	<b>356.173.366.113</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19 398.967.440.225</b>	<b>356.173.366.113</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	386.000.000.000	307.249.526.616
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	2.314.276.684	37.298.099.322
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(2.562.038.973)	(1.143.486.808)
- LNST chưa phân phối cuối kỳ trước	421a	852.493.054	1.088.869.966
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(3.414.532.027)	(2.232.356.774)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	13.215.202.514	12.769.226.983
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>582.613.629.845</b>	<b>525.064.396.594</b>

  
Nguyễn Thu Cúc  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thành Trung  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hữu Phước  
Tổng Giám đốc  
Lập ngày 30 tháng 06 năm 2017



**CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	311.359.396.046	361.146.982.620
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	407.574.867	2.129.037.274
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10		310.951.821.179	359.017.945.346
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	219.263.327.420	258.124.182.230
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		91.688.493.759	100.893.763.116
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	22.958.203.464	14.877.144.084
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	579.196.749	(435.384.969)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		575.720.749	366.153.047
8. Lãi/lỗ trong Cty LD, LK	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	29.996.286.766	35.525.511.890
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	50.420.254.035	47.561.583.781
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.650.959.673	33.119.196.498
12. Thu nhập khác	31	VI.8	4.355.894.339	8.986.225.966
13. Chi phí khác	32	VI.9	875.230.838	2.731.788.354
14. Lợi nhuận khác	40		3.480.663.501	6.254.437.612
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.131.623.174	39.373.634.110
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	7.578.215.231	9.315.893.089
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		79.416.774	(120.817.271)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<b>29.473.991.169</b>	<b>30.178.558.292</b>



Nguyễn Thu Cúc  
Người lập biểu



Nguyễn Thành Trung  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Phước

Tổng Giám đốc

Lập ngày 30 tháng 06 năm 2017

**CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>37.131.623.174</b>	<b>39.373.634.110</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		13.887.757.123	16.655.437.837
- Các khoản dự phòng	03		(387.676.260)	(5.644.729.222)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(45.112.649.093)	(16.125.842.789)
- Chi phí lãi vay	06		575.720.749	366.153.047
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>6.094.775.693</b>	<b>34.624.652.983</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.940.063.467)	(22.351.524.805)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.794.115.206)	(4.434.454.162)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		35.984.485.177	56.212.657.763
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.643.768.563)	(989.428.779)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(575.720.749)	(366.153.047)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.883.011.387)	(9.315.297.225)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		7.173.812.754	17.830.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(33.771.322.746)	(44.109.096.863)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(23.354.928.494)</b>	<b>9.289.185.865</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.531.074.320)	(31.523.784.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.088.300.000	1.560.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.000.000.000)	(91.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		42.500.000.000	107.192.638.889
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chi	27		22.624.690.612	14.823.524.557
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>19.681.916.292</b>	<b>1.053.288.173</b>

# CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		91.080.000.000	65.442.449.157
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(84.322.577.877)	(69.357.280.555)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>6.757.422.123</b>	<b>(3.914.831.398)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>3.084.409.921</b>	<b>6.427.642.640</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>8.586.273.587</b>	<b>2.158.630.947</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>11.670.683.508</b>	<b>8.586.273.587</b>

Nguyễn Thu Cúc  
Người lập biểu

Nguyễn Thành Trung  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Phước  
Tổng Giám đốc

Lập ngày 30 tháng 06 năm 2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp là doanh nghiệp 100% vốn sở hữu của Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 79/QĐ-UBND-TL ngày 29/06/2010 và theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 1400101396 cấp lần đầu ngày 09/07/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 05/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 307.249.526.616 đồng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 10/11/2016 là: 386.000.000.000.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất công nghiệp.

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Kinh doanh xây lắp, khai thác cát.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh trong năm của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đô thị, công trình công cộng;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình công nghiệp. Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Thi công xây dựng công trình thủy lợi (nạo vét kênh mương). Thi công công trình bờ kè, cầu cảng.
- Xây dựng công trình công cộng; đường dây và trạm biến áp có cấp điện đến 35KV
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Lập dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư);
- Quản lý đầu tư xây dựng; khảo sát xây dựng; giám sát thi công xây lắp;
- Thiết kế cho các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thử nghiệm cơ lý vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng xây dựng;
- Khai thác cát;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông trộn sẵn.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

**6. Cấu trúc doanh nghiệp:**

- Tổng số các Công ty con:
  - + Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 2
  - + Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.
- Thông tin về tái cấu trúc Công ty: không có.
- Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền		Hoạt động kinh doanh chính
			biểu quyết		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	Cao Lãnh, Đồng Tháp	51,0%	51,0%		Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy và đường bộ.
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC ĐT	Cao Lãnh, Đồng Tháp	68,0%	68,0%		Thiết kế, khảo sát, giám sát công trình xây dựng.

- Các Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất: không có.
- Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: không có.
- Danh sách các Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền		Hoạt động kinh doanh chính
			biểu quyết		
Công ty TNHH Bông đá	Cao Lãnh, Đồng Tháp	20,0%	20,0%		Bông đá

Công ty TNHH Bông đá Đồng Tháp lỗ âm vốn, đã ngừng hoạt động và đang tiến hành các thủ tục phá sản doanh nghiệp.

- Danh sách các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: không có.
- Danh sách các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất: không có.
- Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo: không có.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 4. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại điểm 4, mục VIII của bản Thuyết minh này.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và số dư của các tài khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra tại ngày 10/11/2016 của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục nêu trên được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

### 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản cho vay và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư này sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

#### ***Các khoản đầu tư vào đơn vị khác:***

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư này bao gồm phần vốn góp hoặc giá thực tế mua khoản đầu tư cộng (+) các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, thuế, phí, lệ phí...

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

### 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

150-  
NHÀ  
NGTY  
BMT  
AOI  
ANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước  
Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

### *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

## 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao một số tài sản cố định vượt khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Loại TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	6 - 30 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 7 năm
- TSCĐ khác	10 - 20 năm
- TSCĐ vô hình	5 năm

## 7. Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

### *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng tại Công ty là 20%.

### *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

201-C  
NH  
TNHH  
AN  
VIỆT  
TRC

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng nhân với thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó.

### 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

### 9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm, không phát sinh các khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện đối với hoạt động cho thuê tài sản được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng kinh tế và số tiền cho thuê đã thu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

### 14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính.

### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng*

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận căn cứ vào báo cáo khối lượng xây lắp đã hoàn thành và nghiệm thu hoặc báo cáo quyết toán.

### 16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

### 17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

### 18. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**19. Số dư đầu năm**

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Tiền mặt tại quỹ	4.781.403.424	5.593.762.354
Tiền gửi ngân hàng	6.889.280.084	2.992.511.233
<b>Cộng</b>	<b><u>11.670.683.508</u></b>	<b><u>8.586.273.587</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	220.500.000.000 (a)	223.392.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>220.500.000.000</u></b>	<b><u>223.392.000.000</u></b>

(a) Chi tiết số dư khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn như sau:

	<u>10/11/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá gốc	Giá ghi sổ	Giá gốc	Giá ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn				
trên 3 tháng	220.500.000.000	220.500.000.000	223.392.000.000	223.392.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>220.500.000.000</u></b>	<b><u>220.500.000.000</u></b>	<b><u>223.392.000.000</u></b>	<b><u>223.392.000.000</u></b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	40.278.570.552 (b)	63.029.980.922
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.349.385.062 (c)	5.774.030.477
Phải thu ngắn hạn khác	45.383.536.300 (d)	3.371.990.355
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(530.178.581) (e)	(530.178.581)
<b>Cộng</b>	<b><u>89.481.313.333</u></b>	<b><u>71.645.823.173</u></b>

45775  
 HÌNH  
 NG TY  
 ẨM T  
 40V  
 NG-T

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

(b) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- BQLDA TP. Cao Lãnh - Đồng Tháp	16.592.425.000	25.694.284.000
- Công an tỉnh Đồng Tháp	3.880.074.000	101.788.000
- Công ty CP Xây dựng Đông Nam Á (HCM)	-	1.961.084.188
- Ông Vũ Văn Bình - Đồng Tháp	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ông Võ Đình Ân	-	1.701.000.000
- Ông Phạm Văn Tâm	-	1.600.000.000
- Ông Nguyễn Văn Huệ - Đồng Tháp	-	1.600.000.000
- Các khách hàng khác	14.806.071.552	25.371.824.734
<b>Cộng</b>	<b><u>40.278.570.552</u></b>	<b><u>63.029.980.922</u></b>

(c) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Ông Bùi Hoàng Tân	-	1.026.000.000
- Ông Hồ Quang Chiêu	-	1.972.000.000
- Các Nhà cung cấp khác	4.349.385.062	2.776.030.477
<b>Cộng</b>	<b><u>4.349.385.062</u></b>	<b><u>5.774.030.477</u></b>

(d) Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác như sau:

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Phải thu về cổ phần hóa	-	204.060.000
- Tạm ứng	2.184.936.903	1.584.861.145
- Phải thu khác	43.198.599.397	1.583.069.210
<b>Cộng</b>	<b><u>45.383.536.300</u></b>	<b><u>3.371.990.355</u></b>

(e) Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số dự phòng</u>
- Nợ quá hạn trên 3 năm	530.178.581	100%	530.178.581
<b>Cộng</b>			<b><u>530.178.581</u></b>

**4. Hàng tồn kho**

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Nguyên liệu, vật liệu	13.110.958.619 (f)	13.861.012.821
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.025.694.511 (g)	12.502.778.677
Thành phẩm	3.905.057.196 (h)	6.773.202.876
Hàng hoá	3.594.267.654 (i)	3.977.512.731
Hàng hoá bất động sản	58.521.365.055 (j)	56.707.135.876
<b>Cộng</b>	<b><u>91.157.343.035</u></b>	<b><u>93.821.642.981</u></b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0.

Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất:

- Giá trị ghi sổ hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản nợ phải trả:
- Lý do dẫn đến việc trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

(f) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu như sau:

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	6.108.458.639	5.513.602.336
- Vật liệu phụ	73.368.500	27.120.500
- Nhiên liệu	1.482.336.128	1.324.238.682
- Vật tư thay thế	5.446.795.352	6.996.051.303
<b>Cộng</b>	<b><u>13.110.958.619</u></b>	<b><u>13.861.012.821</u></b>

(g) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Chi phí xây lắp dở dang	12.025.694.511	12.502.778.677
<b>Cộng</b>	<b><u>12.025.694.511</u></b>	<b><u>12.502.778.677</u></b>

(h) Chi tiết số dư thành phẩm như sau:

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Thành phẩm tại Xí nghiệp cơ khí sửa chữa	50.296.951	70.339.934
- Thành phẩm tại Nhà máy bê tông	3.283.492.954	5.748.318.414
- Thành phẩm khác	571.267.291	954.544.528
<b>Cộng</b>	<b><u>3.905.057.196</u></b>	<b><u>6.773.202.876</u></b>

(i) Chi tiết số dư hàng hóa như sau:

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Vật liệu xây dựng	3.594.267.654	3.977.512.731
<b>Cộng</b>	<b><u>3.594.267.654</u></b>	<b><u>3.977.512.731</u></b>

(j) Chi tiết số dư hàng hóa bất động sản như sau:

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Bất động sản (nhà đất)	58.521.365.055	56.707.135.876
<b>Cộng</b>	<b><u>58.521.365.055</u></b>	<b><u>56.707.135.876</u></b>

**5. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	3.253.234.870 (k)	2.140.010.818
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	373.473.281	118.722.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.626.708.151</u></b>	<b><u>2.258.732.818</u></b>

(k) Chi tiết số dư chi phí trả trước như sau:

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Chi phí bảo hiểm tài sản, đăng kiểm	-	117.017.889
- Chi phí công cụ dụng cụ	1.161.227.790	
- Chi phí thuê tài sản	180.618.900	
- Chi phí sửa chữa tài sản	1.761.805.110	42.793.218
- Chi phí cấp phép khai thác cát	136.557.070	-
- Chi phí trả trước khác	13.026.000	1.980.199.711
<b>Cộng</b>	<b><u>3.253.234.870</u></b>	<b><u>2.140.010.818</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

**6. Các khoản phải thu dài hạn**

	10/11/2016	01/01/2016
Phải thu dài hạn khác	1.812.146.841 (i)	1.962.324.815
<b>Cộng</b>	<b>1.812.146.841</b>	<b>1.962.324.815</b>

(i) Chi tiết số dư phải thu dài hạn khác như sau:

	10/11/2016	01/01/2016
- Các khoản ký quỹ, ký cược	1.812.146.841	1.962.324.815
- Phải thu khác	1.812.146.841	1.962.324.815

**7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Loại tài sản	01/01/2016	Tăng	Giảm	10/11/2016
<b>Nguyên giá</b>	<b>224.070.070.127</b>	<b>110.272.905.850</b>	<b>13.108.794.634</b>	<b>321.234.181.343</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	24.274.295.497	5.436.506.642	264	29.710.801.875
- Máy móc thiết bị	135.973.093.981	78.749.480.231	7.389.546.156	207.333.028.056
- PT vận tải, TB truyền dẫn	62.472.763.968	25.853.298.977	5.449.700.644	82.876.362.301
- Thiết bị quản lý	826.361.877	233.620.000	269.547.570	790.434.307
- Tài sản cố định khác	523.554.804	-	-	523.554.804
<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>107.413.201.794</b>	<b>75.721.586.321</b>	<b>14.820.896.168</b>	<b>168.313.891.947</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	7.211.726.847	4.335.257.555	356.859.476	11.190.124.926
- Máy móc thiết bị	74.527.731.704	53.697.607.668	9.210.496.128	119.014.843.244
- PT vận tải, TB truyền dẫn	24.936.035.321	17.479.021.231	4.952.038.395	37.463.018.157
- Thiết bị quản lý	722.802.938	179.643.951	301.502.169	600.944.720
- Tài sản cố định khác	14.904.984	30.055.916	-	44.960.900
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>116.656.868.333</b>			<b>152.920.289.396</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	17.062.568.650			18.520.676.949
- Máy móc thiết bị	61.445.362.277			88.318.184.812
- PT vận tải, TB truyền dẫn	37.536.728.647			45.413.344.144
- Thiết bị quản lý	103.558.939			189.489.587
- Tài sản cố định khác	508.649.820			478.593.904

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp các khoản vay: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	Số tiền
- Mua trong năm	16.417.021.591
- Đầu tư nâng cấp TSCĐ	300.700.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	3.275.822.481
- Tăng do điều chỉnh giữa các đơn vị nội bộ	4.738.720.164
- Tăng do đánh giá lại giá trị TSCĐ khi cổ phần hóa	85.540.641.614
<b>Cộng</b>	<b>110.272.905.850</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

*Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm như sau:*

	<b>Số tiền</b>
- Thanh lý, nhượng bán	3.467.518.255
- Giảm do điều chỉnh giữa các đơn vị nội bộ	4.738.720.164
- Giảm do bàn giao TSCĐ chờ thanh lý cho Công ty mua bán nợ	2.371.045.232
- Giảm do đánh giá lại giá trị TSCĐ khi cổ phần hóa	2.531.510.983
<b>Cộng</b>	<b>13.108.794.634</b>

*Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng như sau:*

	<b>Số tiền</b>
- Khấu hao trong năm	13.731.691.783
- Tăng do điều chỉnh giữa các đơn vị nội bộ	3.758.239.807
- Tăng do đánh giá lại TSCĐ khi cổ phần hóa	58.231.654.731
<b>Cộng</b>	<b>75.721.586.321</b>

*Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm như sau:*

	<b>Số tiền</b>
- Thanh lý, nhượng bán	3.467.518.255
- Giảm do điều chỉnh giữa các đơn vị nội bộ	3.758.239.807
- Giảm do bàn giao TSCĐ chờ thanh lý cho Công ty mua bán nợ	2.371.045.232
- Giảm do đánh giá lại TSCĐ khi cổ phần hóa	5.224.092.874
<b>Cộng</b>	<b>14.820.896.168</b>

**8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Loại tài sản	01/01/2016	Tăng	Giảm	10/11/2016
<b>Nguyên giá</b>	<b>6.029.344.330</b>	-	-	<b>6.029.344.330</b>
- Quyền sử dụng đất	3.440.356.725	-	-	3.440.356.725
- Phần mềm kế toán	76.000.000	-	-	76.000.000
- TSCĐ vô hình khác	2.512.987.605	-	-	2.512.987.605
<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>2.204.168.022</b>	<b>156.065.340</b>	-	<b>2.360.233.362</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Phần mềm kế toán	76.000.000	-	-	76.000.000
- TSCĐ vô hình khác	2.128.168.022	156.065.340	-	2.284.233.362
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>3.825.176.308</b>			<b>3.669.110.968</b>
- Quyền sử dụng đất	3.440.356.725			3.440.356.725
- Phần mềm kế toán	-			-
- TSCĐ vô hình khác	384.819.583			228.754.243

*Chi tiết khấu hao tài sản cố định vô hình tăng như sau:*

	<b>Số tiền</b>
- Khấu hao trong năm	156.065.340
<b>Cộng</b>	<b>156.065.340</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

### 9. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Chi phí mua sắm TSCĐ	411.306.325	1.118.181.818
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản	-	12.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>411.306.325</u></b>	<b><u>1.130.181.818</u></b>

### 10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<u>10/11/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
Cty TNHH Bông đá Đồng Tháp	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>1.192.413.670</b>	<b>1.192.413.670</b>	<b>1.192.413.670</b>	<b>1.192.413.670</b>
Công ty CP Docimexco	1.192.413.670	1.192.413.670	1.192.413.670	1.192.413.670
<b>Cộng</b>	<b><u>3.192.413.670</u></b>	<b><u>3.192.413.670</u></b>	<b><u>3.192.413.670</u></b>	<b><u>3.192.413.670</u></b>

- Công ty TNHH Bông đá Đồng Tháp lỗ âm vốn, đã ngừng hoạt động và đang tiến hành các thủ tục phá sản doanh nghiệp. Công ty vẫn đang trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư.
- Công ty CP Docimexco lỗ âm vốn, đã bị hủy giao dịch trên HOSE. Công ty vẫn đang trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

### 11. Tài sản dài hạn khác

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Chi phí trả trước dài hạn	7.035.372.301 (m)	1.376.600.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	329.355.987	408.772.761
<b>Cộng</b>	<b><u>7.364.728.288</u></b>	<b><u>1.785.372.761</u></b>

(m) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Chi phí thuê mặt bằng	698.153.971	889.600.000
- Chi phí công cụ, dụng cụ	67.899.938	-
- Chi phí cấp phép khai thác cát	6.269.318.392	487.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>7.035.372.301</u></b>	<b><u>1.376.600.000</u></b>

### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Công ty TNHH MTV TR Tiến Phát - Đồng Tháp	6.310.684.350	-
- DNTN Hữu Tâm - Đồng Tháp	1.391.124.000	306.125.400
- Công ty TNHH TM Dịch vụ Kim Nguyên	-	404.995.800
- Công ty TNHH MTV Ngô Phú Cường	23.823.022	560.444.113
- Ông Huỳnh Tấn Bên	18.639.600	415.016.157
- Các nhà cung cấp khác	4.935.961.538	4.652.156.110
<b>Cộng</b>	<b><u>12.680.232.510</u></b>	<b><u>6.338.737.580</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Cục cảnh sát giao thông - Bộ Công an	3.206.166.400	-
- Công ty TNHH Liên doanh Nghị Phong	7.999.855.540	-
- Công ty TNHH TVTK Xây dựng ĐT Sông Hồng	-	1.430.609.999
- BQLDA XD công trình giao thông Đồng Tháp	5.082.368.000	3.423.660.000
- BQLDA PT CSHT Giao thông Đồng Tháp	-	1.155.000.000
- BQLDA thị xã Sa Đéc, Đồng Tháp	-	2.044.453.000
- CN Tổng Công ty Thương mại Hà Nội tại ĐT	-	1.140.000.000
- Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Cao Lãnh	3.501.160.000	4.600.000.000
- Ông Huỳnh Thao Chí	-	1.200.000.000
- Bà Mai Thị Hồng Nhung	-	1.200.000.000
- Ông Nguyễn Văn Kiệm	-	1.200.000.000
- Các khách hàng khác	9.697.598.096	10.272.115.289
<b>Cộng</b>	<u><b>29.487.148.036</b></u>	<u><b>27.665.838.288</b></u>

**14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước**

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Thuế GTGT phải nộp	185.113.205	374.241.560
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	960.193.814	1.264.989.970
- Thuế thu nhập cá nhân	202.449.341	293.948.476
- Thuế tài nguyên	3.314.502.000	1.235.793.260
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.518.507.328	-
- Các loại thuế khác	8.022.463.890	348.394.189
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.823.272.693	3.138.186.287
<b>Cộng</b>	<u><b>21.026.502.271</b></u>	<u><b>6.655.553.742</b></u>

**15. Chi phí phải trả**

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Trích trước chi phí lãi vay	32.195.253	-
- Chi phí thuê tài sản	29.166.667	87.500.001
- Trích trước chi phí xây lắp, thiết kế	-	775.469.000
- Trích trước CP dự án KCN Trần quốc Toàn	5.230.099.152	5.328.927.054
- Chi phí phải trả khác	102.592.102	45.000.000
<b>Cộng</b>	<u><b>5.394.053.174</b></u>	<u><b>6.236.896.055</b></u>

**16. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	<u>10/11/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Kinh phí công đoàn	68.677.239	284.653.451
- BHXH, BHYT, BHTN	15.672.150	-
- Phải trả về cổ phần hóa	7.121.137.372	1.400.317
- Cổ tức phải trả	371.328.749	371.328.749
- Phải trả khác	7.026.266.119	12.172.460.992
<b>Cộng</b>	<u><b>14.603.081.629</b></u>	<u><b>12.829.843.509</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	10/11/2016	01/01/2016
- BIDV, Chi nhánh Đồng Tháp	15.238.656.979	4.999.995.608
<b>Cộng</b>	<b>15.238.656.979</b>	<b>4.999.995.608</b>

**18. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	10/11/2016	01/01/2016
- Dự phòng chi phí sửa chữa tài sản	694.498.070	1.082.174.330
<b>Cộng</b>	<b>694.498.070</b>	<b>1.082.174.330</b>

**19. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	10/11/2016	01/01/2016
- Thu trước tiền cho thuê đất khu công nghiệp	40.895.436.823	40.895.436.823
<b>Cộng</b>	<b>40.895.436.823</b>	<b>40.895.436.823</b>

**19. Vốn chủ sở hữu**

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá TS	Quỹ đầu tư phát triển	Nợ thuế chưa phân phối
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>307.249.526.616</b>	-	<b>52.887.579.292</b>	<b>(1.839.334.582)</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	30.178.558.292
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.604.235.634	(7.604.235.634)
Trích quỹ KT viên chức QL	-	-	-	(347.625.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(12.645.838.721)
Bàn giao KCN Trần Quốc Toản	-	-	(15.397.434.881)	-
Phải nộp BQL Khu kinh tế	-	-	(7.796.280.723)	-
Nộp thuế TNDN năm trước	-	-	-	(7.600.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.285.011.163)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>307.249.526.616</b>	-	<b>37.298.099.322</b>	<b>(1.143.486.808)</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	29.473.991.169
Đánh giá lại TS khi CP hóa	-	43.607.749.103	-	-
Tăng vốn từ CL đánh giá TS và Quỹ đầu tư phát triển	78.773.171.076	(43.607.749.103)	(35.398.083.002)	-
Giảm vốn do bàn giao TS	(22.697.692)	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.300.000.000	(1.300.000.000)
Trích quỹ KT viên chức QL	-	-	-	(300.997.500)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(13.870.214.559)
Lợi nhuận còn lại phải nộp	-	-	-	(14.257.470.101)
Giảm khác	-	-	(885.739.636)	(1.163.861.174)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>386.000.000.000</b>	-	<b>2.314.276.684</b>	<b>(2.562.038.973)</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

#### 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	61.079.449.155	66.426.360.167
- Doanh thu thành phẩm	213.354.505.639	240.565.425.608
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.572.012.163	12.370.104.875
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	33.353.429.089	41.785.091.970
<b>Cộng</b>	<b><u>311.359.396.046</u></b>	<b><u>361.146.982.620</u></b>

#### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Giảm giá hàng bán	407.345.454	2.129.037.274
- Hàng bán bị trả lại	229.413	-
<b>Cộng</b>	<b><u>407.574.867</u></b>	<b><u>2.129.037.274</u></b>

#### 3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Giá vốn bán hàng hóa	33.755.522.292	33.517.329.952
- Giá vốn thành phẩm	156.619.067.844	190.859.292.968
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.419.825.362	5.892.366.596
- Giá vốn hoạt động kinh doanh khác	24.468.911.922	27.855.192.714
<b>Cộng</b>	<b><u>219.263.327.420</u></b>	<b><u>258.124.182.230</u></b>

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	22.681.498.797	14.708.787.980
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	183.610.000	-
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	93.094.667	68.333.300
- Thu hoạt động tài chính khác	-	100.022.804
<b>Cộng</b>	<b><u>22.958.203.464</u></b>	<b><u>14.877.144.084</u></b>

#### 5. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Chi phí lãi vay	575.720.749	366.153.047
- Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	6.000.000
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(807.538.016)
- Chi phí tài chính khác	3.476.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>579.196.749</u></b>	<b><u>(435.384.969)</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

### 6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Chi phí nhân viên	10.583.132.208	10.634.625.766
- Chi phí vật liệu, bao bì	6.070.070.897	8.633.693.389
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6.295.381.223	5.323.230.058
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.626.684.486	9.771.131.671
- Chi phí bằng tiền khác	1.421.017.952	1.162.831.006
<b>Cộng</b>	<b><u>29.996.286.766</u></b>	<b><u>35.525.511.890</u></b>

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	33.381.041.576	33.115.244.545
- Chi phí vật liệu quản lý	187.893.093	303.407.362
- Chi phí đồ dùng văn phòng	455.621.221	362.588.712
- Chi phí khấu hao TSCĐ	927.034.487	1.272.224.380
- Thuế, phí và lệ phí	3.338.015.224	1.088.911.331
- Chi phí dự phòng	-	(4.837.191.206)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.541.349.694	1.480.273.000
- Chi phí bằng tiền khác	10.589.298.740	14.776.125.657
<b>Cộng</b>	<b><u>50.420.254.035</u></b>	<b><u>47.561.583.781</u></b>

### 8. Thu nhập khác

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Thu nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	2.631.887.180
- Thu bán phế liệu	(18.187.252)	224.981.869
- Xử lý kết quả kiểm kê thừa	4.087.782.674	5.325.480.008
- Các khoản thu khác	286.298.917	803.876.909
<b>Cộng</b>	<b><u>4.355.894.339</u></b>	<b><u>8.986.225.966</u></b>

### 9. Chi phí khác

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	250.348.501	1.867.762.413
- Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	137.496.606	664.200.025
- Xử lý kết quả kiểm kê thiếu	39.734.202	80.204.480
- Chi phí khác	447.651.529	119.621.436
<b>Cộng</b>	<b><u>875.230.838</u></b>	<b><u>2.731.788.354</u></b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có.
3. Thông tin về các bên liên quan: không có.
4. Thông tin so sánh  
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán.
5. Thông tin về hoạt động liên tục  
Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.



**Nguyễn Thu Cúc**  
Người lập



**Nguyễn Thành Trung**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Hữu Phước**  
Giám đốc  
Lập ngày 30 tháng 06 năm 2017

